

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC QUANG  
TỈNH HÀ GIANG**  
Số: 168/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Bắc Quang, ngày 09 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 192/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1978; dân tộc: Tày;

*Bị đơn:* Anh Mai Ngọc N, sinh năm: 1968; Dân tộc: Tày;

Cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang;

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2020,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Mai Ngọc N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Ngọc N thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Mai Thị H, sinh ngày 29/6/1997 và Mai Ngọc D, sinh ngày 29/10/1998. Do các cháu H và D đều đã trưởng thành nên khi ly hôn không đề cập yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm lý hôn là 150.000<sup>d</sup> (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 07/10/2020 theo biên lai số 0001220. Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 150.000<sup>d</sup> (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chênh lệch, anh Mai Ngọc N không phải chịu án phí.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- UBND xã L, huyện B; tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Hải Hà**

